

Đánh giá đa dạng tài nguyên cây thuốc thân thảo và dây leo tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Ialy, tỉnh Gia Lai

Nguyễn Thị Hà*

Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai

Diversity of medicinal herbaceous and climbing plant resources in the Ialy Protection Forest Management Board, Gia Lai province

Nguyen Thi Ha*

Vietnam National University of Forestry – Dongnai Campus

*Corresponding author: ntha@vnuf2.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.14.7.2025.071-078>

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 26/07/2025

Ngày phản biện: 29/08/2025

Ngày quyết định đăng: 25/09/2025

Từ khóa:

cây thân thảo và dây leo,
cây thuốc, đa dạng,
rừng phòng hộ Ialy.

Keywords:

Diversity, medicinal, Ialy Protection
Forest, plants herbaceous and
climbing plants.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tính đa dạng thành phần loài cây thuốc thuộc nhóm thân thảo và dây leo tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Ialy, tỉnh Gia Lai, sử dụng phương pháp điều tra tuyến. Kết quả đã ghi nhận được 32 loài thuộc 30 chi và 19 họ, nằm trong 2 ngành thực vật có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta) và Mộc lan (Magnoliophyta). Ngành Mộc lan chiếm ưu thế rõ ràng với 30 loài, thuộc 17 họ (chiếm 93,75% số loài, và 89,47% số họ). Về dạng sống, 19 loài thân thảo đã được xác định chiếm 59,38%, và 13 loài dây leo chiếm 40,64%. Về giá trị sử dụng, thân cây là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 20 loài (62,50%), tiếp đến là cả cây với 15 loài (46,88%). Các bộ phận khác như lá 5 loài (15,63%), củ và hạt có 2 loài (6,25%). Các loài cây thuốc phân bố chủ yếu trong rừng với 22 loài (68,75%), ven suối và đường mòn có 14 loài (43,75%), và ít nhất là trảng cỏ có 6 loài (18,75%). Nghiên cứu cho thấy hệ sinh thái rừng là nơi tập trung đa dạng dược liệu nhất, do đó, cần ưu tiên bảo vệ tốt các hệ sinh thái rừng. Hơn nữa, cần tập trung nghiên cứu thuần hóa và phát triển cây dược liệu bản địa dưới tán rừng nhằm tạo sinh kế bền vững cho người dân và góp phần bảo tồn các bài thuốc dân gian ở địa phương.

ABSTRACT

This study aimed to assess the species diversity of medicinal herbaceous and climbing plants in the Ialy Protection Forest, Gia Lai province, using the transect survey method. A total of 32 species were recorded, belonging to 30 genera and 19 families, within two vascular plant divisions: Ferns (Polypodiophyta) and Flowering plants (Magnoliophyta). The Magnoliophyta division clearly dominated, accounting for 30 species across 17 families, accounting for 93.75% of the total species, 93.33% of genera, and 89.47% of families. In terms of life forms, 19 herbaceous species (59.38%) and 13 climbing species (40.62%) were identified. Regarding plant parts used, the stem was the most commonly utilized, represented by 20 species (62.50%), followed by the whole plant with 15 species (46.88%), leaves with 5 species (15.63%), and tubers and seeds with 2 species each (6.25%). Medicinal plants were primarily distributed in forested areas, with 22 species (68.75%), followed by stream banks and trails with 14 species (43.75%), and grasslands with at least 6 species (18.75%). Therefore, priority should be given to the conservation of forest ecosystems. The study indicates that the forest ecosystem holds the highest medicinal diversity; therefore, priority must be given to the in situ protection of these forest ecosystems. Furthermore, research should focus on domestication and ex situ development of native medicinal plants under the forest canopy to create sustainable livelihoods for local communities and contribute to preserving local traditional remedies..

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên cây thuốc trong hệ sinh thái tự nhiên chiếm một vị trí quan trọng về thành phần loài của hệ thực vật, góp phần cung cấp các sản phẩm dịch vụ như cây dược liệu, thực vật ăn được hoang dại, tạo sinh kế, cải thiện đời sống và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của người dân bản địa. Ngày nay, ước tính 80% dân số trên toàn thế giới sử dụng thảo dược truyền [1] và được 60 – 80% người dân châu Á và châu Phi sử dụng để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe [2]. Ước tính có 422.000 loài thực vật trên thế giới và 50.000 trong số đó là cây thuốc và cây hương liệu [2]. Theo kết quả điều tra của Viện Dược liệu năm 2016, Việt Nam có tới 5.117 loài cây làm thuốc. Cây thuốc thường được chia thành 4 nhóm: cây gỗ, thảo mộc, cây bụi và dây leo [3]. Trong 4 nhóm cây thuốc, dạng thân thảo và dây leo chiếm tỉ lệ lớn trong tổng số cây thuốc dân gian [3], giữ vai trò quan trọng trong các hệ sinh thái, đóng góp rất lớn vào tài nguyên đa dạng sinh học. Phần lớn các loài cây thảo mộc có vòng đời ngắn, dễ tái sinh, có thể khai thác bền vững. Nghiên cứu của Aware (2022) [2] vùng Tây Nam Ethiopia đã phát hiện, thảo mộc là nhóm dạng sống phổ biến nhất, chiếm 55,5% tổng số loài được ghi nhận (45 loài), trong khi đó, cây leo chiếm tỷ lệ 6,2%.

Ở Việt Nam việc sử dụng các loài cây thuốc đã có lịch sử lâu đời, chúng là các loài cây có sẵn được người dân bản địa sử dụng để chăm sóc sức khỏe, phòng và điều trị bệnh, một số loài còn được sử dụng làm rau ăn và gia vị như một nguồn thực phẩm thiết yếu hằng ngày [4]. Tổ chức y tế thế giới cũng công nhận cây thuốc dân gian bản địa, đặc biệt là nhóm thân thảo và dây leo, đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ chữa các bệnh thông thường như cảm, viêm, tiêu hóa... [4, 5] và có hoạt tính kháng sinh, chống viêm, giải độc, tăng cường miễn dịch. Các loài cây thuốc thân thảo và dây leo cũng có thể sử dụng trực tiếp dưới dạng sắc uống, giã đắp, nấu nước tắm... [4, 5] và gắn bó mật thiết với y học dân gian, kiến thức truyền thống của cộng đồng bản địa và dân tộc thiểu số [4]. Nhiều loài đã được khai thác làm nguyên liệu

cho sản xuất thuốc Đông y, thực phẩm chức năng và tiềm năng phát triển vùng nguyên liệu dược liệu như loài Giảo cổ lam [6, 7], Ba kích, Địa liền, Kim tiền thảo, Sa nhân tím... [6, 8]. Nghiên cứu tính đa dạng của các loài cây thuốc nhóm thân thảo và dây leo không chỉ là bảo tồn nguồn tài nguyên sinh học mà còn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương. Nghiên cứu này nhằm làm rõ tính đa dạng, hiện trạng phân bố và giá trị sử dụng của các loài cây thuốc làm cơ sở khoa học đề xuất giải pháp bảo tồn cây thuốc thân thảo và dây leo góp phần duy trì sự cân bằng giữa phát triển dược liệu và bảo tồn đa dạng sinh học tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Ialy, tỉnh Gia Lai.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm khu vực nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện cuối năm 2024 tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Ialy, tỉnh Gia Lai. Khu vực nghiên cứu thuộc địa phận các xã Xã IaKa, Xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai, với tọa độ VN2000 từ 408.963 – 428.821 m (OX) và 1.566.498 – 1.573.382 m (OY). Địa hình chia cắt mạnh, gồm 4 dạng chính: núi trung bình (55,4%), núi thấp (30,9%), cao nguyên thấp (11,4%) và đồi cao (2,3%), với độ cao dao động từ 225 – 1.446,7 m. Khí hậu mang đặc trưng nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt; nhiệt độ trung bình năm 21,6°C, độ ẩm 80–85%, tổng lượng mưa ~2.100 mm/năm, tập trung từ tháng 5 – 10. Thổ nhưỡng chủ yếu là đất feralit đỏ vàng và feralit mùn phát triển trên đá magma axit và đá phiến sét, tầng đất dày, thành phần cơ giới trung bình, phù hợp với các loài cây lâm nghiệp, nông nghiệp và cây thuốc bản địa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra

Nghiên cứu được thực hiện trên đối tượng là các loài cây thuốc thuộc nhóm thân thảo và dây leo. Phương pháp điều tra tuyến được sử dụng để thu thập các dữ liệu, 5 tuyến điều tra thực địa đã được thiết lập với tổng chiều dài khảo sát là 44,3 km đại diện cho các trạng thái rừng và địa hình khác nhau thuộc các tiểu khu 215, 217, 218, 219, 224 và 225. Trong đó, tuyến 1 đi qua tiểu khu 217 và 218 với tổng chiều dài 15,6 km; tuyến 2 đi qua tiểu khu 217 và 224 dài

5,0 km; tuyến 3 đi qua tiểu khu 219 và 225, dài 10,8 km; tuyến 4 đi qua tiểu khu 218 có chiều dài 6,5 km; tuyến 5 đi qua tiểu khu 218 và 215 có chiều dài 6,4 km (Hình 1). Trên mỗi tuyến, dưới sự chỉ dẫn của người dân bản địa, cán bộ quản lý rừng, các thông tin cần thiết được thu thập bao gồm: mô tả hình thái loài cây thuốc thân thảo và dây leo phân bố, xác định tên loài cây, sinh cảnh, bộ phận sử dụng, một số các bài thuốc tiêu biểu sử dụng điều trị bệnh, thành phần loài cây, kết hợp các loài cây trong các bài thuốc của người dân địa phương. Sử dụng GPS để xác định tuyến, máy ảnh để ghi nhận hình ảnh loài cây đã thu thập trong quá trình điều tra.

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Khảo sát thành phần loài cây thuốc sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực vật của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [9]. Phương pháp định danh dựa trên phương pháp so sánh hình thái truyền thống, kết hợp dựa vào các tài liệu

chính như: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (1999) [10]; Thực vật có hoa của Nguyễn Nghĩa Thìn (2006) [11]; Danh lục cây thuốc Việt Nam (2016) của Viện Dược liệu [12]. Từ điển cây thuốc Việt Nam của Võ Văn Chi (2019) [13]; Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (2004) [5]...

Phân loại thực vật và xác định và hiệu chỉnh tên khoa học của loài theo hệ thống phân loại APGiv (2016) [14], POWO (2025) [15], WFO (2025) [16]. Phổ dạng sống được phân loại theo tài liệu Đỗ Tất Lợi (2004) [5] và Võ Văn Chi (2019) [17]. Bộ phận sử dụng của loài cây thuốc được phân chia theo kết quả điều tra hiện trường, tham vấn người dân địa phương và cán bộ bảo vệ rừng. Sinh cảnh được phân loại dựa trên kết quả điều tra hiện trường.

Dữ liệu về tên loài, phân loại, dạng sống, bộ phận sử dụng, sinh cảnh được tổng hợp và xử lý trên bảng tính Excel.



Hình 1. Bản đồ các tuyến điều tra tại hiện trường

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài cây thuốc thân thảo và dây leo theo các bậc Taxon.

Bảng 1 cho thấy, thành phần loài cây thuốc tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Ialy, tỉnh Gia Lai

đã xác định được 32 loài, 30 chi và 19 họ thuộc 2 ngành thực vật có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và Mộc lan (Magnoliophyta). Kết quả được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Thành phần loài cây thuốc thân thảo và dây leo tại khu vực nghiên cứu

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Polypodiophyta	2	10,53	2	6,67	2	6,25
Magnoliophyta	17	89,47	28	93,33	30	93,75
Tổng cộng	19	100	30	100	32	100

Bảng 1 cũng chỉ ra rằng ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có thành phần loài đa dạng hơn ngành Dương xỉ với 17 họ chiếm 89,47% tổng số họ, 28 chi chiếm 93,33% tổng số chi, 30

loài chiếm 93,75% tổng số loài. Ngành Dương xỉ chỉ ghi nhận được 2 họ chiếm 10,53% tổng số họ, 2 chi chiếm 6,67% tổng số chi, 2 loài chiếm 6,25% tổng số loài.

Bảng 1. Thành phần cây thuốc nhóm thân thảo và dây leo

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Hình thức ghi nhận
I	Ngành (Phylum): Mộc lan (Magnoliophyta) Lớp (Class): Mộc lan (Magnoliopsida)		
1	Ngải dại	<i>Artemisia indica</i> Willd.	A
2	Cúc áo hoa vàng	<i>Bidens pilosa</i> L.	A
3	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i> (L.) R.M.King & H.Rob.	A
4	Xấu hổ	<i>Mimosa pudica</i> var. <i>hispida</i> Brenan	A
5	Nhân lồng, lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	A
6	Hà Thủ ô trắng	<i>Streptocaulon juvenas</i> (Lour.) Merr.	A
7	Củ mài	<i>Dioscorea hamiltonii</i> Hook.f.	A
8	Bìm nho	<i>Distimake vitifolius</i> (Burm.f.) Pisuttimarn & Petrongari	A
9	Mào gà dại	<i>Celosia argentea</i> L.	A
10	Cải tàu bay	<i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.) S.Moore	A
11	Hoàng đằng chân vịt	<i>Cyclea bicristata</i> (Griff.) Diels	A
12	Dây sâm lông	<i>Cyclea barbata</i> Miers	A
13	Lá lốt	<i>Piper sarmentosum</i> Roxb.	A
14	Dây mối	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers	A
15	An điền tai	<i>Exallage auricularia</i> (L.) Bremek.	A
16	Cỏ hôi, cứt lợn	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	A
17	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	A
18	Củ nâu	<i>Dioscorea cirrhosa</i> Lour.	A
19	Ráy leo hồng không	<i>Rhaphidophora hongkongensis</i> Schott	A
20	Mướp đắng rừng	<i>Momordica charantia</i> subsp. <i>charantia</i>	A
21	Cỏ sữa lá to	<i>Euphorbia hirta</i> L.	A
22	Tai voi phễu	<i>Metapetrocosmea eberhardtii</i> (Pellegr.) Yin Z.Wang & P.W.Li	A
23	Bọ xít, cỏ hôi	<i>Synedrella nodiflora</i> (L.) Gaertn.	A
24	Cải trời, cải ma	<i>Blumea lacera</i> (Burm.f.) DC.	A
25	Dây cứt quạ	<i>Trichosanthes scabra</i> var. <i>scabra</i>	A
26	Ngưu tất nam	<i>Achyranthes aspera</i> L.	A
27	Thảo quyết minh	<i>Senna tora</i> (L.) Roxb.	A
II	Ngành (Phylum): Mộc lan (Magnoliophyta) Lớp (Class): Hành (Liliopsida)		
28	Cỏ mần trầu	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	A
29	Cỏ tranh	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Raeusch.	A
30	Gừng gió	<i>Zingiber zerumbet</i> (L.) Roscoe ex Sm.	A
III	Ngành (Phylum): Dương xỉ (Polypodiophyta) Lớp (Class): Dương xỉ (Polypodiopsida)		
31	Rau quyết ráng lông	<i>Pteridium aquilinum</i> (L.) Kuhn	A
32	Dương xỉ thường	<i>Thelypteris parasitica</i> (L.) Tardieu	A

Ghi chú: A: Có hình chụp.

Bảng 2 cho thấy, thành phần loài cây thuốc thân thảo và dây leo khá đa dạng và phong phú.

Đáng chú ý, một số loài có tần suất bắt gặp cao so với các loài cùng họ như: Cỏ tranh (*Imperata*

cylindrica), Cúc áo hoa vàng (*Bidens pilosa*), Ngải đại (*Artemisia indica*), Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Xấu hổ (*Mimosa pudica* var. *hispida*)... Những loài có giá trị cao

tại khu vực này do bị khai thác quá nhiều cho nên hiện nay sự xuất hiện của chúng rất hiếm hoặc không thấy xuất hiện.

Bảng 2. Thống kê các họ thân thảo và dây leo làm thuốc tại khu vực nghiên cứu

TT	Tên họ	Chi		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Họ Cúc (Asteraceae)	7	23,33	7	21,88
2	Họ Đậu (Fabaceae)	2	6,67	2	6,25
3	Họ Dền (Amaranthaceae)	2	6,67	2	6,25
4	Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)	2	6,67	2	6,25
5	Họ Tiết dê (Menispermaceae)	2	6,67	3	9,38
6	Họ Gừng (Zingiberaceae)	1	3,33	1	3,13
7	Họ Ráy (Araceae)	1	3,33	1	3,13
8	Họ Hồ tiêu (Piperaceae)	1	3,33	1	3,13
9	Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)	1	3,33	1	3,13
10	Họ Lạc tiên (Passifloraceae)	1	3,33	1	3,13
11	Họ Trúc đào (Apocynaceae)	1	3,33	1	3,13
12	Họ Củ nâu (Dioscoreaceae)	1	3,33	2	6,25
13	Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)	1	3,33	1	3,13
14	Họ Cà phê (Rubiaceae)	1	3,33	1	3,13
15	Họ Hòa tán (Apiaceae)	1	3,33	1	3,13
16	Họ Tai voi (Gesneriaceae)	1	3,33	1	3,13
17	Họ Hòa thảo (Poaceae)	2	6,67	2	6,25
18	Họ Chân xỉ (Pteridaceae)	1	3,33	1	3,13
19	Họ Dương xỉ (Polypodiaceae)	1	3,33	1	3,13
Tổng số chi, loài điều tra được		30	100	32	100

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, họ Cúc (Asteraceae) có số lượng chi nhiều nhất (7 chi) chiếm 32,33% tổng số chi; tiếp đến họ Đậu (Fabaceae), họ Dền (Amaranthaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Hòa thảo (Poaceae) mỗi họ có 2 chi chiếm 6,67% trên tổng số chi; họ Gừng (Zingiberaceae), họ Ráy (Araceae), họ Hồ tiêu (Piperaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Lạc tiên (Passifloraceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae), họ Bìm bìm (Convolvulaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Hòa tán (Apiaceae), họ Tai voi (Gesneriaceae), họ Chân xỉ (Pteridaceae), họ Dương xỉ (Polypodiaceae) mỗi họ có 1 chi chiếm 3,33%. Họ Cúc (Asteraceae) có số lượng loài lớn nhất (7 loài) chiếm 21,88% tổng số loài; họ Tiết dê (Menispermaceae) với 3 loài chiếm 9,38%

tổng số loài, họ Đậu (Fabaceae), họ Dền (Amaranthaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae), họ Hòa thảo (Poaceae) mỗi họ có 2 loài chiếm 6,25% tổng số loài, họ Gừng (Zingiberaceae), họ Ráy (Araceae), họ Hồ tiêu (Piperaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Lạc tiên (Passifloraceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Bìm bìm (Convolvulaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Hòa tán (Apiaceae), họ Thương tiễn (Gesneriaceae), họ Chân xỉ (Pteridaceae), họ Dương xỉ (Polypodiaceae) mỗi họ có 1 loài chiếm 3,13% tổng số loài.

3.2. Đa dạng cây thuốc theo dạng sống và bộ phận sử dụng

Kết quả khảo sát và phân loại loài cây thuốc nhóm thân thảo và dây leo theo dạng sống được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ cây thuốc theo dạng sống tại khu vực nghiên cứu

Dạng sống	Thân thảo	Dây leo	Tổng số loài
Số lượng loài	19	13	32
Tỷ lệ phần trăm (%)	59,38	40,63	100

Kết quả khảo sát đã ghi nhận 19 loài thân thảo chiếm 59,38%, và 13 loài dây leo chiếm 40,64%.

Nhóm cây thân thảo chiếm ưu thế hơn và phát triển tốt, nhất là khu ven đường mòn và khu vực trống cỏ, dưới tán rừng chủ yếu tập trung ở các họ Asteraceae, Araceae, Zingiberaceae... Nhóm dây leo với các loài chủ yếu mọc ở các trống cây bụi, dưới tán rừng, khu vực cây gỗ lớn đổ, thuộc các họ Menispermaceae, Apocynaceae, Piperaceae...

Về bộ phận sử dụng của cây thuốc: bộ phận sử dụng của cây thuốc phụ thuộc vào loài cây,

bài thuốc và loại bệnh điều trị hoặc chăm sóc, bồi bổ sức khỏe. Một số loài sử dụng một bộ phận như Tai voi phễu (*Metapetrocosmea eberhardtii*), Rau quyết ráng lông (*Pteridium aquilinum*), Củ mài (*Dioscorea hamiltonii*)... bên cạnh đó, một số loài dùng hai hay nhiều bộ phận hoặc cả cây như Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Cúc áo hoa vàng (*Bidens pilosa*)... Điều này phụ thuộc vào các hợp chất hóa học có tác dụng điều trị các bệnh khác nhau của cây thuốc. Căn cứ theo tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2004) [5] và Võ Văn Chi (2019) [17], sự đa dạng về bộ phận sử dụng được thể hiện qua Bảng 5.

Bảng 4. Đa dạng cây thuốc theo bộ phận sử dụng tại khu vực nghiên cứu

TT	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thân cây	20	62,50
2	Cả cây	15	46,88
3	Rễ	12	37,50
4	Lá	5	15,63
5	Củ	2	6,25
6	Hạt	2	6,25

Bảng 5 cho thấy, thân cây là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 20 loài chiếm 62,50%, điển hình như Hoàng đằng chân vịt (*Cyclea bicristata*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Gừng gió (*Zingiber zerumbet*)... Tiếp đến là toàn cây với 15 loài chiếm 46,88% như Ngải đại (*Artemisia indica*), Cúc áo hoa vàng (*Bidens pilosa*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*)... Bộ phận rễ với 12 loài chiếm 37,50% như Xấu hổ (*Mimosa pudica* var. *hispida*), Củ mài (*Dioscorea hamiltonii*), Dây cứt quạ (*Trichosanthes scabra* var. *scabra*)... Bộ phận lá với 5 loài chiếm 15,63%, đáng chú ý là Cải tàu bay (*Crassocephalum crepidioides*), Tai voi phễu

(*Metapetrocosmea eberhardtii*), Rau quyết ráng lông (*Pteridium aquilinum*)...; Bộ phận Củ và hạt có 2 loài chiếm 6,25%, các loài sử dụng củ là Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas*), Củ nâu (*Dioscorea cirrhosa*); các loài cho hạt là Mào gà đại (*Celosia argentea*), Thảo quyết minh (*Senna tora*).

3.3. Đặc điểm phân bố của cây thuốc theo sinh cảnh

Sinh cảnh sống của cây thuốc thân thảo và dây leo được chia làm 4 sinh cảnh là trong rừng, vùng trống cỏ, ven đường mòn và ven suối (Bảng 6).

Bảng 5. Đặc điểm phân bố của cây thuốc theo sinh cảnh

TT	Sinh cảnh sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Trong rừng	22	68,75
2	Ven suối	14	43,75
3	Trống cỏ	6	18,75
4	Ven đường mòn	14	43,75

Qua Bảng 6 ta thấy, cây thuốc phân bố nhiều nhất là trong rừng, có 22 loài chiếm 68,75%. Điển hình như cây: Ngải đại (*Artemisia indica*), Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas*)... Phân bố ít nhất là khu vực trảng cỏ có 6 loài chiếm 18,75%, điển hình là An điền tai (*Exallage auricularia*), Cỏ hôi, cúrt lợn (*Ageratum conyzoides*, Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*)... Trong khi đó, sinh cảnh ven suối và ven rừng đã ghi nhận được 14 loài chiếm 43,75% Các loài cây thuốc phân bố ở ven suối, đáng chú ý là Lá lốt (*Piper sarmentosum*),

Rau má (*Centella asiatica*), Cải tàu bay (*Crassocephalum crepidioides*)... Cây thuốc phân bố ven đường mòn đại diện là Dây sâm lông (*Cyclea barbata*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Xấu hổ (*Mimosa pudica* var. *hispida*)... Các loài cây thuốc thường đóng vai trò quan trọng trong các bài thuốc dân gian và là đối tượng cần quan tâm bảo tồn.

3.4. Đa dạng về giá trị sử dụng của các loài cây thuốc thân thảo và dây leo

Kết quả thống kê các loài cây thuốc theo nhóm công dụng được tổng hợp ở Bảng 7.

Bảng 7. Đa dạng cây thuốc theo giá trị sử dụng

Nhóm công dụng	Số loài	Tỉ lệ %	Tên các loài
Tiêu hóa - đầy bụng - tiêu chảy - táo bón	13	40,6	Ngải đại, Cỏ lào, Hà Thủ ô trắng, Củ mài, Bìm bìm lá nhỏ, Hoàng đằng chân vịt, Dây sâm, Lá lốt, Dây mối, An điền tai, Rau má, Củ nâu, Cỏ sữa lá to.
Cảm - ho - sốt – viêm đường hô hấp	13	40,6	Ngải đại, Cúc áo hoa vàng, Cỏ lào, Hoàng đằng chân vịt, Rau má, Ráy leo hồng không, Mướp đắng rừng, Cỏ sữa lá to, Bọ xít, Cải trời, Cỏ màn trâu, Cỏ tranh, Gừng gió.
Chống viêm - kháng khuẩn - mụn nhọt	10	31,3	Cúc áo hoa vàng, Cỏ lào, Nhãn lồng, Mào gà dại, An điền tai, Cỏ hôi, Củ nâu, Bọ xít, Cải trời, Ngưu tất nam.
Giải độc - lợi tiểu – gan - thận	10	31,3	Cúc áo hoa vàng, Xấu hổ, Dây sâm, Rau má, Mướp đắng rừng, Dây cúrt quạ, Ngưu tất nam, Cỏ màn trâu, Cỏ tranh, Rau quyết ráng lông.
Cầm máu - huyết áp	6	18,8	Mào gà dại, Củ nâu, Cải trời, Thảo quyết minh, Rau quyết ráng lông, Dương xỉ thường.
Điều kinh - phụ khoa	5	15,6	Ngải đại, Nhãn lồng, Cỏ hôi, Cỏ màn trâu, Gừng gió.
Xương khớp - đau nhức - phong thấp	5	15,6	Cỏ lào, Hà Thủ ô trắng, Hoàng đằng chân vịt, Lá lốt, Ráy leo Hồng Kông.
An thần - thần kinh	4	12,5	Xấu hổ, Nhãn lồng, Hà Thủ ô trắng, Thảo quyết minh.
Chống ký sinh trùng - giun - sán	4	12,5	Bìm bìm lá nhỏ, Mướp đắng rừng, Dây cúrt quạ, Thảo quyết minh.
Khác	2	6,3	Cải tàu bay, Tai voi phều.

Kết quả phân tích cho thấy các loài cây thuốc thân thảo và dây leo tại khu vực nghiên cứu có giá trị sử dụng đa dạng được phân thành 10 nhóm, trong đó nhóm bệnh tiêu hóa – đầy bụng – tiêu chảy – táo bón và nhóm cảm – ho – sốt – viêm đường hô hấp là hai nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất với mỗi nhóm 13 loài, chiếm 40,6 %. Nhóm chống viêm – kháng khuẩn – mụn nhọt và nhóm giải độc – lợi tiểu – gan – thận có 10 loài chiếm 31,3 %. Còn lại còn lại như cầm máu – huyết áp, điều kinh –

phụ khoa, xương khớp – đau nhức – phong thấp, an thần – thần kinh và chống ký sinh trùng – giun – sán có số lượng loài thấp hơn có từ 4 đến 6 loài. Kết quả cho thấy rằng, hệ thực vật, nơi có các loài cây thuốc phân bố có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ điều trị bệnh thường gặp, tăng cường sức khỏe cộng đồng, đồng thời có thể là cơ sở quan trọng để bảo tồn tri thức bản địa và phát triển bền vững vùng nguyên liệu dược liệu tại khu vực nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã ghi nhận 32 loài cây thuốc thuộc nhóm thân thảo và dây leo của 30 chi và 19 họ của 2 ngành thực vật có mạch là Mộc lan (Magnoliophyta) và Dương xỉ (Polypodiophyta). Trong đó, ngành Mộc lan chiếm ưu thế ở các cấp độ phân loại, với 93,75% số loài, 93,33 số chi và 89,47% số họ cây thuốc điều tra.

Về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc cho thấy tính chất phong phú và đa dạng về khả năng sử dụng các bộ phận khác nhau. Trong đó thân cây chiếm tỷ lệ cao nhất với 20 loài chiếm 62,50%, tiếp là toàn cây với 15 loài chiếm 46,88%, rễ với 12 loài chiếm 37,50%, lá với 5 loài chiếm 15,63%, củ và hạt có 2 loài chiếm 6,25%.

Sự đa dạng về sinh cảnh phân bố của loài cây thuốc phân bố nhiều nhất là trong rừng 22 loài chiếm 68,75%, phân bố ít nhất là khu vực trảng cỏ có 6 loài chiếm 18,75%, ven suối và ven đường mòn đều có 14 loài chiếm 43,74%. Sinh cảnh chính của các loài cây thuốc vẫn là ở trong rừng và ven suối, do đó cần bảo vệ tốt các hệ sinh thái rừng, nghiên cứu phục hồi các loài cây thuốc quý ít xuất hiện hoặc không còn và thực hiện gây trồng, phát triển các loài cây dược liệu bản địa để tạo sinh kế bền vững cho người dân và góp phần bảo tồn bài thuốc dân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. World Health Organization (WHO) (2013). WHO traditional medicine strategy: 2014–2023.

[2]. Chetan B. Aware, Devashree N. Patil, Suresh S. Suryawanshi, Pratibha R. Mali, Manali R. Rane, Ranjit G. Gurav & Jyoti P. Jadhav (2022). Natural bioactive products as promising therapeutics: A review of natural product-based drug development. *South African Journal of Botany*. 151: 512-528.

[3]. Ashebir Awoke, Girma Gudescho, Fetku Akmel & P. Shanmugasundaram (2024). Traditionally used medicinal plants for human ailments and their threats in Guraferda District, Benchi-Sheko zone, Southwest

Ethiopia. *Journal of Ethnobiology and Ethnomedicine*. 20(1): 82.

[4]. Regional Office for the Western Pacific; Institute of Materia Medica World Health Organization (1990). *Medicinal Plants in Viet Nam*. WHO Regional Publications, Western Pacific Series. World Health Organization, Manila.

[5]. Đỗ Tất Lợi (2004). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học. 30- 936.

[6]. Thủ tướng Chính phủ (2013). Quyết định số 1976/QĐ-TTg về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

[7]. Huy Kien Ngo, An Thinh Nguyen, Duc Bao Nguyen, Ngoc Anh Le, Thi Hao Nguyen & Hens Luc (2022). Value chain analysis of medicinal plants in geoparks: Livelihoods of ethnic minorities based on non-timber Forest products (NTFPs) in Vietnam.

[8]. Bộ Y tế (2015). Quyết định số 206/QĐ-BYT về việc ban hành Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển giai đoạn 2015–2020.

[9]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). *Phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại Học Quốc Gia.

[10]. Phạm Hoàng Hộ (1999). *Cây cỏ Việt Nam*, Tập I, II, III. Nhà xuất bản Trẻ.

[11]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2006). *Thực vật có hoa*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[12]. Viện Dược Liệu (2016). *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. 1191.

[13]. Võ Văn Chi (2019). *Từ điển cây thuốc Việt Nam* (Bộ mới - Tập 1, Tập 2). Nhà xuất bản Y học.

[14]. The Angiosperm Phylogeny Group, M. W. Chase, M. J. M. Christenhusz, M. F. Fay, J. W. Byng, W. S. Judd, D. E. Soltis, D. J. Mabberley, A. N. Sennikov, P. S. Soltis & P. F. Stevens (2016). An update of the Angiosperm Phylogeny Group classification for the orders and families of flowering plants: APG IV. *Botanical Journal of the Linnean Society*. 181(1): 1-20.

[15]. POWO (2025). *Plants of the World Online*. <https://powo.science.kew.org/>. Truy cập ngày 25/7/2025.

[16]. WFO (2025). *World Flora Online*. <https://www.worldfloraonline.org/>. Truy cập ngày 25/7/2025.

[17]. Võ Văn Chi (1019). *Từ điển cây thuốc Việt nam*. Nhà xuất bản Y Học.